

Số: /UBND-TTĐVCI

Châu Sơn, ngày tháng 7 năm 2026

DỰ BÁO

Tình hình sinh vật gây hại vụ Mùa năm 2026 và triển khai các biện pháp phòng, chống trên địa bàn xã Châu Sơn

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH SVGH VỤ MÙA NĂM 2026

*** Cơ cấu giống lúa, ngô:** gieo cấy chủ yếu các giống:

- Cây lúa: Bao thai, Kim cương, Lúa lai, Khang dân 18, DV 108, Hoa ưu, Sán ưu 83. Nhị ưu 838, Nếp các loại,....

- Cây ngô: NK 4300, NK 7328, NK 6654, CP 111, CP 501, CP 511, CP 3Q, ... và một số giống ngô nếp.

*** Thời vụ gieo trồng:**

- Lúa mùa: + Mùa sớm: Cấy trong tháng 6.

+ Mùa chính vụ: Cấy trong tháng 7.

- Ngô hè thu: Trồng ngô hè thu từ tháng 7 đến muộn nhất 15/8.

*** Tình hình thời tiết:**

Theo dự báo của Đài Khí tượng thủy văn, từ tháng 7 đến tháng 12 năm 2026, có khả năng xuất hiện 06 - 07 cơn ATNĐ¹/bão hoạt động trên Biển Đông, khu vực Lạng Sơn có khả năng chịu ảnh hưởng của 01 - 02 cơn ATNĐ/bão. Khả năng xuất hiện khoảng 04 - 06 đợt nắng nóng và nắng nóng gay gắt, tình trạng này có thể tiếp tục duy trì trong tháng 7-8, sau đó sang tháng 9 nắng nóng giảm dần. Sẽ có 04 - 06 đợt mưa lớn trong giai đoạn này.

Nhiệt độ trung bình phổ biến cao hơn từ 0,5 - 1,0°C so với TBNN; Lượng mưa cao hơn so với TBNN, đề phòng có ngày mưa cục bộ với cường suất lớn. Ngoài ra, còn có những ngày xuất hiện mưa lớn cục bộ có thể kèm theo dông, lốc, sét và gió giật mạnh.

Nhìn chung, thời tiết trong thời gian tới sẽ tiếp tục có những diễn biến phức tạp, khó lường khả năng gây ảnh hưởng đến sinh trưởng phát triển của cây trồng vụ Mùa và có tác động đến diễn biến phát sinh gây hại của các loài dịch hại trên cây trồng. Để đảm bảo thực hiện tốt kế hoạch sản xuất vụ Mùa, hạn chế thấp nhất thiệt hại do dịch hại gây ra, Trung tâm Khuyến nông tỉnh Lạng Sơn dự báo tình hình dịch hại trên các cây trồng chính vụ Mùa 2026 như sau:

*** Dự báo thành phần dịch hại chính vụ mùa 2026**

- + Trên cây lúa: Rầy các loại, ốc bươu vàng (OBV), sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân 2 chấm, bệnh vàng lá nghẹt rễ sinh lí, bệnh đạo ôn, bệnh khô vằn,...
- + Trên cây ngô: Sâu xám, sâu keo mùa thu, châu chấu, sâu đục thân, sâu đục bắp, bệnh khô vằn, bệnh đốm lá nhỏ, đốm lá lớn, ...
- + Cây chè: Rầy xanh, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi, bệnh chám xám, bệnh khô cành...
- + Cây ăn quả: Bọ trĩ, bọ phấn, ruồi vàng, rệp sáp, nhện đỏ, bệnh thán thư, bệnh vàng lá thối rễ... trên cây na; Rệp muội, rệp kim, nhện đỏ, sâu đục thân, sâu bướm phượng, bệnh phấn trắng, vàng lá, loét... trên cây có múi; Rệp sáp, sâu đục cành, sâu đục quả, bệnh thán thư, bệnh giác ban ... trên cây hồng.
- + Cây thông: Sâu róm thông, sâu đục ngọn, ong ăn lá...
- + Cây hoi: Pha trứng bọ ánh kim qua đông; sâu đo hoa, bệnh thán thư, ...
- + Cây keo, quế, bạch đàn: Bệnh chết héo trên keo; sâu đo trên quế; Bệnh thối rễ (thối gốc); bệnh đốm lá, gỉ sắt,... trên cây bạch đàn.

*** Dự báo thời gian phát sinh và mức độ gây hại của một số đối tượng dịch hại chủ yếu trên cây trồng vụ mùa như sau:**

1. Cây lúa Mùa:

- Ốc bươu vàng: Xuất hiện gây hại mạnh chủ yếu vào thời kì đầu của cây lúa sau cấy. Mật độ phổ biến 0,5 - 2 con/m², cao 2 - 4 con/m² diện phân bố tương đương cùng kỳ năm trước.
- Rầy các loại: Phát sinh 3 lứa chính.
 - + Lúa 4: Phát sinh gây hại từ giữa – cuối tháng 7, mật độ phổ biến 50 - 100 con/m², cao 150 - 300 con/m² (hại nhẹ trên lúa 1 vụ, lúa mùa sớm).
 - + Lúa 5: Phát sinh gây hại trong khoảng tháng 8, mật độ phổ biến 300 - 500 con/m², cao 1.500 - 2.500 con/m², cục bộ 3.000 - 4.000 con/m²
 - + Lúa 6: Phát sinh gây hại từ tháng 9 đến tháng 10, mật độ phổ biến 200 - 400 con/m², cao 1.000 - 1.500 con/m², cục bộ 2.000 - 3.000 con/m²
- Sâu cuốn lá nhỏ: Do gieo, cấy không đồng loạt, trên đồng ruộng có nhiều trà lúa gối nhau, đây sẽ là điều kiện thuận lợi cho sâu cuốn lá nhỏ phát sinh, phát triển và gây hại, chủ yếu vào giai đoạn lúa đẻ nhánh đến đòng trổ, những ruộng bón thừa đạm, cấy dày, những ruộng cấy sớm hoặc muộn hơn trong khu vực sẽ bị nặng hơn. Sâu cuốn lá sẽ phát sinh 3 lứa chính:
 - + Lúa 4: Phát sinh gây hại từ cuối tháng 7, hại trên lúa mùa sớm giai đoạn đẻ nhánh rộ - đứng cái, mức độ hại nhẹ, mật độ phổ biến 1- 2 con/m², cao 3 - 5 con/m²
 - + Lúa 5: Phát sinh từ đầu tháng 9, gây hại trên lúa chính vụ giai đoạn

đứng cái – làm đồng, mật độ phổ biến 1- 3 con/m², cao 4 - 6 con/m².

+ Lúa 6: Phát sinh từ tháng 10, gây hại giai đoạn lúa làm đồng - trổ, mật độ phổ biến 1 - 2 con/m², cao 3 - 5 con/m²

- Sâu đục thân 2 chấm: Do gieo, cấy không đồng loạt, trên đồng có nhiều trà lúa gối nhau, đây là điều kiện thuận lợi cho sâu đục thân 2 chấm phát sinh, phát triển và gây hại, chủ yếu vào giai đoạn lúa đẻ nhánh đến đồng trổ. Phát sinh 2 lúa chính.

+ Lúa 3: Phát sinh gây hại trong tháng 7, hại nhẹ trên lúa mùa sớm, tỷ lệ phổ biến 1 - 2%, cao 5 - 7 % đánh héo.

+ Lúa 4: Phát sinh gây hại từ cuối tháng 8 đến giữa tháng 10. Tỷ lệ hại phổ biến 2 - 3 %, cao 5 - 10%, cục bộ 15 - 20% đánh héo, bông bạc.

Chú ý: Những chân ruộng cấy 1 vụ, mùa sớm, ruộng không chủ động nước, ruộng khe dọc thường tỷ lệ đánh héo, bông bạc cao

- Sâu cắn gié: Gây hại từ cuối tháng 9, mật độ phổ biến 1 - 2 con/m², cao 4 - 6 con/m²

- Bộ xít dài: Phát sinh gây hại trên lúa trổ khoảng từ cuối tháng 9, mật độ phổ biến 1 - 2 con/m², cao 4 - 6 con/m²

- Châu chấu: Phát sinh gây hại từ trước khi cấy và có khả năng gây hại xuyên suốt vụ, mật độ phổ biến từ 1-3 con/m², cao từ 5-10 con/m²

- Bệnh vàng lá nghệt rễ: Phát sinh và gây hại cục bộ một số ruộng chua, ruộng trũng, thụt, hoặc ruộng làm đất chưa kỹ, gốc rạ còn tươi, ruộng bón thiếu phân lân, ... tỷ lệ hại phổ biến 5-10%, cao 30-50% khóm.

- Bệnh đạo ôn: Phát sinh gây hại từ khi lúa đẻ nhánh trên các giống, hại nặng trên giống nhiễm (nếp, kim cương...) tỷ lệ bệnh phổ biến 2 - 4 %, cao 10 - 15%.

- Bệnh khô vằn: Phân bố diện rộng, phát sinh mạnh từ giai đoạn lúa đứng cái đến cuối vụ, bệnh hại nặng ở những ruộng bón phân không cân đối, thừa đạm, cấy dày.

2. Cây ngô Hè - Thu:

- Sâu xám: Gây hại mạnh từ khi mới trồng đến 3 - 5 lá, mật độ 0,2 - 0,4 con/m².

- Sâu keo mùa thu: Gây hại xuyên suốt giai đoạn phát triển của cây ngô, gây hại nặng chủ yếu giai đoạn ngô từ 5 đến 7 lá, mật độ trung bình 1- 3 con/m², cao 5 - 8 con/m², cục bộ 10 - 12 con/m².

- Sâu đục thân, bắp: Gây hại chủ yếu hại giai đoạn loa kèn - thâm râu - bắp non; tỷ lệ hại phổ biến 1 - 2% cây, bắp; cao 2 - 4 % cây, bắp

- Châu chấu: Hại tất cả giai đoạn phát triển của cây ngô, mật độ phổ biến

1 - 2 con/m², cao 3 - 5 con/m²

- Bệnh khô vằn: Gây hại mạnh giai đoạn loa kèn - ra bắp - thu hoạch bệnh phổ biến 5 - 7 % cây, cao 10 - 15% cây.

- Bệnh đốm lá nhỏ, đốm lá lớn: Bệnh gây hại từ khi 2 - 3 lá cho đến hết thời kì sinh trưởng của cây. Mật độ phổ biến 5 – 10% lá, cao 15 – 30% lá.

3. Cây ăn quả:

3.1. Cây có múi:

- Sâu đục thân, cành: Gây hại chủ yếu từ tháng 8 đến tháng 9, tỷ lệ hại trung bình 1- 2 % cây, cục bộ 8 -10 % cây.

- Rầy, rệp các loại: Phát sinh gây hại xuyên suốt vụ trồng, tỷ lệ hại trung bình 5-8 % cành, lá.

- Ruồi đục quả: gây hại chủ yếu giai đoạn quả lớn - thu hoạch. Tỷ lệ hại trung bình 2 - 4 % quả.

- Bệnh vàng lá thối rễ có khả năng gây hại ở mức nhiễm nhẹ đến trung bình trên diện rộng. Tỷ lệ hại phổ biến 3 – 5% cây.

3.2. Cây na:

- Sâu đục quả: Phát sinh, phát triển và gây hại nhẹ từ cuối tháng 8 đến hết tháng 10, đặc biệt hại nặng hơn trên na chín muộn, na gỏi, tỷ lệ hại phổ biến 1- 3%; cao 8 - 10% số quả.

- Rệp sáp: Gây hại tất cả các giai đoạn của cây, tỷ lệ, mức độ hại tăng từ tháng 8 đến đầu tháng 9 (giai đoạn phát triển quả) và hại nhẹ đến cuối vụ. Tỷ lệ hại trung bình từ 1- 3%; cao 5- 10% số chồi non, hoa, quả.

- Bọ phấn: Phát sinh, phát triển và gây hại tỷ lệ tăng từ tháng 8 đến cuối tháng 9, gây hại trên diện rộng, tỷ lệ phổ biến 5-10%; cao 20- 50% lá.

- Ruồi đục quả: Phát sinh, phát triển gây hại tỷ lệ tăng từ đầu tháng 8 đến hết tháng 9, gây hại trên diện rộng, tỷ lệ phổ biến 1- 2%; cao 3- 5% quả bị hại.

- Bệnh thán thư: Gây hại tất cả các giai đoạn của cây, tỷ lệ bệnh tăng ở giai đoạn thu hoạch – sau thu hoạch quả. Tỷ lệ bệnh phổ biến 2 - 5%; cao 10 - 20% số lá, chồi, hoa, quả bị hại.

- Bệnh vàng lá thối rễ: Bệnh gây hại cục bộ, tỷ lệ bệnh tăng khi thời tiết vào giai đoạn từ cuối tháng 9 đến hết tháng 10, hại mạnh nhất là giai đoạn cây na sau thu hoạch. Tỷ lệ bệnh phổ biến 1- 2 %; cao 3 - 4%.

3.3. Cây hồng:

- Rệp sáp: Gây hại tất cả các giai đoạn của cây. Tỷ lệ phổ biến 3 - 6% chồi non, hoa, quả.

- Bệnh thán thư: gây hại trên quả vào tháng 8 đến tháng 9, tỉ lệ hại từ 2 – 4%.

4. Cây lâm nghiệp:

4.1. Cây hời:

- Bọ ánh kim: Trưởng thành gây hại nhẹ với mật độ trung bình 2 - 4 con/cây, cao 5 - 10 con/cây từ tháng 7 - tháng 8.

- Sâu đo: Mật độ trung bình 1-3 con/cây, cao 5-10 con/cây, cục bộ 50 – 100 con/cây

- Bệnh thán thư: Tiếp tục phát triển gây hại mạnh từ giữa tháng 8, gây hại mạnh từ cuối tháng 9. Tỷ lệ bệnh trung bình 5-10 %, cao 20-30 %, cục bộ > 50 % lá.

4.2. Cây thông:

- Sâu róm thông:

+ Thệ hệ 2: Tiếp tục phát sinh gây hại đến giữa tháng 8. Mật độ sâu TB: 10 - 15 con/cây, cao 20 - 30 con/cây.

+ Thệ hệ 3: Xuất hiện và gây hại từ cuối tháng 8 đến đầu tháng 9, mật độ sâu non dự kiến khoảng 20 – 30 con/cây, cao 50 – 70 con/cây.

+ Thệ hệ 4: Xuất hiện gây hại từ giữa tháng 10, mật độ 50 – 100 con/cây, cao 150 – 250 con/cây

4.3. Cây bạch đàn:

- Bệnh thối rễ (thối gốc): gây hại tỷ lệ tăng dần vào các tháng 8,9,10,11 và giảm vào tháng 12; tháng 1,2 năm sau.

- Bệnh đốm lá, gỉ sắt: Tỷ lệ, mức độ bệnh thấp trong các tháng 7,8,9 và tăng dần vào các tháng 10,11,12 và tháng 1,2 năm sau. Tỷ lệ bệnh phổ biến từ 5 – 10%, cao từ 20 – 30% lá.

4.4. Cây keo

- Bệnh chết héo: Phát sinh gây hại quanh năm. Mật độ 3 - 5%, cao 10 - 20% thân.

4. 5. Cây quế:

- Sâu đo: Phát sinh gây hại vào tháng 7 đến tháng 10 gây hại cục bộ với mật độ trung bình 30 – 50 con/cây, cao 100 – 200 con/cây.

II. TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH PHÒNG CHỐNG SVGH VỤ MÙA NĂM 2026

1. Kế hoạch phòng chống SVGH vụ Mùa năm 2026

- Chủ động theo dõi, giám sát chặt chẽ diễn biến phát sinh, gây hại của các đối tượng sinh vật gây hại trên cây trồng vụ Mùa năm 2026; phát hiện sớm, khoanh vùng và tổ chức phòng, chống kịp thời, hiệu quả, hạn chế thấp nhất thiệt hại do sinh vật gây hại gây ra, bảo vệ năng suất, chất lượng cây trồng.

- Tăng cường công tác điều tra, giám sát đồng ruộng; bám sát diễn biến thời tiết, tình hình sinh trưởng của cây trồng và quy luật phát sinh của sinh vật gây hại để thực hiện tốt công tác dự tính, dự báo; tham mưu chỉ đạo triển khai các biện pháp phòng, chống đúng thời điểm, đúng đối tượng, bảo đảm hiệu quả và an toàn.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật về nhận biết sinh vật gây hại, nguyên tắc quản lý dịch hại tổng hợp (IPM/IPHM) và các biện pháp phòng, chống sinh vật gây hại an toàn, hiệu quả trên các phương tiện thông tin đại chúng và hệ thống khuyến nông, bảo vệ thực vật; nâng cao nhận thức và kỹ năng của người sản xuất trong công tác phòng, chống sinh vật gây hại.

2. Tổ chức thực hiện

- Trung tâm Dịch vụ công ích xã:

+ Thực hiện tốt công tác điều tra phát hiện, theo dõi diễn biến, dự tính dự báo sinh vật hại trên cây trồng nông, lâm nghiệp. Thường xuyên kiểm tra đồng ruộng, nắm chắc diễn biến của thời tiết, sinh trưởng cây trồng để chủ động tham mưu chỉ đạo phòng trừ kịp thời, hiệu quả.

+ Nghiên cứu áp dụng các biện pháp kỹ thuật tổng hợp trong Trồng trọt - Bảo vệ thực vật phù hợp với từng loại cây trồng và điều kiện sinh thái đặc thù của địa phương để cây sinh trưởng, phát triển tốt, tăng khả năng chống chịu với sâu bệnh hại, đạt hiệu quả kinh tế cao, đồng thời bảo vệ môi trường sinh thái.

+ Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn trong công tác điều tra, phát hiện, dự tính, dự báo sâu bệnh hại; đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn, chuyển giao tiến bộ KHKT - BVTV cho người nông dân.

- Trưởng các thôn:

Tuyên truyền tình hình sinh vật gây hại vụ mùa năm 2026 đến toàn thể nhân dân trong thôn biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND xã;
- Phòng Kinh tế;
- Trung tâm DVCI;
- Trưởng thôn trên địa bàn xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Trung